

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần : Tiếng Việt thực hành(Vietnamese in use)

- Mã số học phần : XH012
- Số tín chỉ học phần: 2 tín chỉ
- Số tiết học phần: 30 tiết lí thuyết

2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn : Sư phạm Ngữ Văn
- Khoa: Sư phạm

3. Điều kiện tiên quyết: không

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Hệ thống hóa được những kiến thức cơ bản về chính tả, từ ngữ, câu, đoạn văn và văn bản.
- 4.1.2. Nắm vững những yêu cầu cơ bản trong thực tế sử dụng tiếng Việt, trong tạo lập cũng như tiếp nhận văn bản.

4.2. Kỹ năng

- 4.2.1. Vận dụng được kiến thức cơ bản của môn học để nhận diện, phân tích được vấn đề đúng/sai và định hướng được cách khắc phục, sửa chữa lỗi trong thực tế sử dụng tiếng Việt.
- 4.2.2. Rèn luyện, phát triển kỹ năng nói, viết và phân tích văn bản một cách có ý thức và hiệu quả.
- 4.2.3. Góp phần cùng với các môn học khác rèn luyện tư duy khoa học trong học tập, nghiên cứu.

4.3. Thái độ

- 4.3.1. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. Từ đó, có ý thức học tập, trau dồi tiếng Việt, nâng cao năng lực vận dụng ngôn ngữ.
- 4.3.2. Thấy được sự phong phú và giàu đẹp của tiếng Việt. Từ đó, nâng cao lòng yêu quý và góp phần giữ gìn sự trong sáng cũng như bản sắc của tiếng nói dân tộc.

5. . Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4, rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.

6. Cấu trúc nội dung học phần

Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1. Rèn luyện kỹ năng về chính tả	4	
1.1. Khái quát về chữ viết và chính tả tiếng Việt	1	4.1.1
1.2. Quy định về chính tả	1	4.1.1;4.1.2;4.3.1;4.3.2
1.3. Lỗi chính tả	2	4.1.1;4.1.2;4.2.1;4.2.2;4.3.1;4.3.2
Chương 2. Rèn luyện kỹ năng dùng từ	4	
2.1. Khái quát về từ	2	4.1.1.
2.2. Lỗi dùng từ	2	4.1.1.;4.1.2; 4.2.1; 4.2.2;4.3.1;4.3.2
Chương 3. Rèn luyện kỹ năng về câu	8	
3.1. Khái quát về câu	4	4.1.1
3.2. Lỗi viết câu	4	4.1.1;4.1.2;4.2.1; 4.2.2;4.3.1;4.3.2
Chương 3. Rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản	14	
3.1. Khái quát về văn bản và đoạn văn	4	4.1.1
3.2. Tạo lập văn bản	5	4.1.1; 4.2.1; 4.2.2 4.2.3;4.3.1;4.3.2
3.3. Phân tích văn bản	5	4.1.1;4.2.2;4.2.3;4.3.1;4.3.2

7. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết giảng
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp thảo luận nhóm

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập.
- Tham dự kiểm tra giữa học kì.

- Tham dự thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần/bài tập	Số tiết tham dự học/tổng số tiết và làm bài tập	20%	4.1;4.2;4.3.
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Thi viết (trắc nghiệm kết hợp với tự luận)	30%	4.1.1; 4.1.2; 4.2.1 đến 4.2.3;4.3.1;4.3.2
3	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết (trắc nghiệm kết hợp với tự luận) - Tham dự đủ 80% tiết học trên lớp	50%	4.1.1; 4.2.1 đến 4.2.3;4.3.1;4.3.2

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu

Số đăng ký cá biệt

- [1] Lê A- Đinh Thanh Huệ (1997), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục.
- [2] Diệp Quang Ban (1998), *Ngữ pháp tiếng Việt* (tập 2), Nxb Giáo dục.
- [3] Diệp Quang Ban (1993), *Thực hành ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
- [4] Đỗ Hữu Châu (1981), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
- [5] Mai Ngọc Chừ-Vũ Đức Nghiệu-Hoàng Trọng Phiến (2005), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
- [6] Nguyễn Văn Hào, Hoàng Xuân Tâm (chủ biên)(1988), *Tiếng Việt*.
- [7] Hà Thúc Hoan (1998), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Tp.HCM.
- [8] Nguyễn Văn Nở (2012), *Giáo trình Phong cách học tiếng Việt*, Nxb ĐH Cần Thơ.
- [9] Hoàng Phê (chủ biên) (2000), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng- Trung tâm Từ điển học, Hà Nội-Đà Nẵng.
- [10] Trần Ngọc Thêm- Nguyễn Trọng Báu- Nguyễn Quang Ninh (1985), *Ngữ pháp văn bản và việc dạy làm văn*, Nxb Giáo dục.
- [11] Trần Ngọc Thêm (1985), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội.

- [12] Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) (1996), *Tiếng Việt thực hành*, ĐH Quốc gia.
- [13] Bùi Minh Toán (chủ biên) (1997), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục.
- [14] Cù Đình Tú (1978), *Ngữ âm học tiếng Việt hiện đại*, Nxb Giáo dục.
- [15] UBKHXHVN (1983), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội.